

MỐI QUAN HỆ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA MÔNG - NGUYÊN Ở ĐÔNG Á VÀ ĐÔNG NAM Á NỬA CUỐI THẾ KỶ XIII

NGUYỄN NHẬT LINH*

Khi triều Nguyên hình thành và thống trị ở Trung Hoa cuối thế kỷ XIII cũng là lúc người Mông Cổ rất hùng mạnh và kiểm soát vùng không gian lãnh thổ liên Á - Âu rộng lớn. Thời kỳ này, việc triều Nguyên thôn tính Nam Tống, ép Cao Ly thần phục, xâm lược Nhật Bản và Đông Nam Á đã cho thấy những thay đổi trong cách cai trị, ngoại giao và sự bành trướng của người Mông Cổ hướng đến phía đông, vươn ra biển để bổ khuyết cho những thiếu hụt và hạn chế trong nền kinh tế, chính trị và quân sự của họ.

Từ khóa: triều Nguyên, Mông Cổ, Đông Á, Đông Nam Á, thế kỷ XIII

Nhận bài ngày: 15/12/2020; *đưa vào biên tập:* 18/12/2020; *phản biện:* 8/2/2021; *duyet đăng:* 3/4/2021

1. DẪN NHẬP

Bước sang nửa sau thế kỷ XIII, Mông Cổ hùng mạnh đã chiếm đóng và kiểm soát được cả vùng lãnh thổ rộng lớn trải dài trên lục địa Á - Âu. Cùng lúc đó triều Nguyên thành lập, sự bành trướng và việc thiết lập, duy trì ảnh hưởng cũng như sự thống trị của họ đối với vùng bị kiểm soát có nhiều thay đổi lớn. Trong khoảng thời gian

này, mối quan hệ và các cuộc chiến tranh xâm lược của Mông - Nguyên với các nước Đông Á không chỉ cho thấy sự bành trướng, ảnh hưởng mạnh mẽ của họ, mà còn phản ánh những thay đổi trong cách thức Mông - Nguyên tiến hành chiến tranh và thiết lập cai trị hoặc quan hệ ngoại giao với các nước, đồng thời tận dụng các nguồn lực từ đế quốc rộng lớn nhằm vươn đến vùng biển ở khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Trong thế kỷ XIII, quan hệ và ảnh hưởng của Mông - Nguyên với Đông Á biểu hiện rõ nhất

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

qua các cuộc tấn công tiêu diệt Nam Tống, việc buộc Cao Ly phải thần phục, tiến hành xâm lược Nhật Bản và việc bành trướng quân sự, ngoại giao ở Đông Nam Á.

2. CUỘC CHIẾN TRANH THÔN TÍNH NAM TỐNG VÀ VIỆC KIẾN LẬP TRIỀU NGUYÊN

Sau khi Nguyên Thế Tổ (Hốt Tất Liệt, 1215-1294) lên ngôi hoàng đế kiến lập triều Nguyên ở Trung Quốc và đổi quốc hiệu thành Đại Nguyên (1271-1368) thì mối quan tâm hàng đầu của triều Nguyên là việc thôn tính Nam Tống (1127-129), hoàn thành quá trình bình định ở vùng phía nam Trung Hoa⁽¹⁾. Mặc dù nhà Nam Tống lúc này không còn là mối đe dọa lớn đối với nhà Nguyên, nhưng với mục đích thống trị toàn lãnh thổ và dập tắt mọi kháng cự của người Trung Hoa, Nguyên Thế Tổ đã mở các chiến dịch quyết tâm tiêu diệt Nam Tống. Trước đó, vào năm 1234 người Mông Cổ sau khi chinh phạt nhà Kim đã làm chủ hoàn toàn vùng phía bắc Trung Hoa và gây sức ép với Nam Tống⁽²⁾. Nhưng vào thời điểm này người Mông Cổ đang cần dồn lực lượng để tấn công sang phía tây nên tạm thời phải hòa hoãn với Nam Tống. Cuộc chinh phạt vùng phía nam Trung Hoa được người Mông Cổ thúc đẩy mạnh mẽ từ những năm 1250 với vai trò của Đại Hãn Mông Kha (trị vì 1251-1259). Sau khi Mông Kha tử trận, Hốt Tất Liệt quay trở về Mông Cổ tranh ngôi vị và được tôn làm Khả Hãn, cuộc chiến chinh phạt Nam Tống lại

bị hoãn. Sau khi thành lập triều Nguyên, Khả Hãn tiếp tục chinh phạt Nam Tống (Morris Rossabi, 1988: 76-115).

Mục tiêu của cuộc tấn công tiêu diệt Nam Tống vì Nam Tống là nguồn tài nguyên giàu có của phương nam. Dù mất hoàn toàn quyền kiểm soát lưu vực Hoàng Hà và vùng đất phía bắc, lại chịu tổn thất nặng nề từ chiến tranh, nhưng Nam Tống vẫn còn chỗ dựa là vùng đất màu mỡ phía nam sông Dương Tử với cư dân đông đúc, chiếm hơn một nửa dân số Trung Quốc bấy giờ (Patricia Buckley Ebrey, Anne Walthall, James B. Palais, 2006: 176)⁴. So sánh với phía bắc, nơi bị chiến tranh tàn phá, dân số đông đúc, lực lượng quân đội nhiều, thường xuyên chịu sức ép về lương thực, thì vùng đất phía nam có tiềm năng lớn trong việc đáp ứng nhu cầu thường xuyên cho quân đội nhà Nguyên. Hơn thế nữa, sau khi triều Nguyên kiến lập, Nguyên Thế Tổ thực sự muốn cai trị lâu dài ở Trung Hoa (Denis Twitchett & John K. Fairbank. 2008: 418-419); với tham vọng dưới sự cai trị của mình, triều Nguyên sẽ trở nên giàu có, thịnh vượng.

Việc chinh phạt và tiêu diệt Nam Tống còn đem lại khả năng thông thương với phía nam. Cuộc chiến tranh chinh phạt của Mông - Nguyên khắp các hướng trên lục địa Á - Âu đã tạo ra một đại đế quốc liên lục địa. Trong nửa cuối thế kỷ XIII, nỗ lực của Mông - Nguyên trong các cuộc chiến tranh với Nam Tống, Cao Ly, Nhật Bản và Đông

Nam Á đã kết nối thế giới phương Đông với phương Tây, tạo ra sự gắn kết giữa các trung tâm thương mại bằng con đường buôn bán trên bộ. Thống trị và kiểm soát được vùng trung tâm Châu Á và Trung Hoa, triều Nguyên thuận lợi áp đặt sự thống trị và các quy định trên các lãnh thổ cả ở Châu Á cũng như Châu Âu.

Tham vọng chinh phạt Nam Tống sẽ tạo điều kiện cho người Mông Cổ vươn xa đến vùng hải đảo và bán đảo của Đông Nam Á. Lúc này, Nam Tống mặc dù đã để mất vùng đất phía bắc Trung Hoa nhưng vẫn nắm giữ số lượng lớn dân cư và phần lớn tài nguyên kinh tế, thương mại so với vùng đất mà Mông - Nguyên đã chiếm được. Nam Tống vẫn duy trì được nguồn cung lớn hàng hóa và lương thực cho bản thân và nền hải thương với các nước Đông Nam Á, Ấn Độ, thậm chí là Tây Á. Điều đó đã giúp các cảng và thành thị duyên hải tiếp tục phồn vinh. Chính điều này đã hấp dẫn Mông - Nguyên (Twitchett & Fairbank, 2008: 429-430).

Sau nhiều cuộc chiến tranh, năm 1240 quân Mông Cổ chiếm được Kiev (Ukraina) và hàng loạt các thành phố khác ở Châu Âu, Ba Tư, Caucasus và Trung Á. Sang năm 1241, quân Mông Cổ tiếp tục đánh chiếm Hungary. Các chiến dịch chinh phục Châu Âu kết thúc vào năm 1242. Cho tới giữa thế kỷ XIII, sau các cuộc tấn công Tây Á và Đông Âu, người Mông Cổ phải bỏ dở nhiều cuộc tấn công xâm chiếm một vài quốc gia Châu Âu. Khi tiến

đánh Nam Á, người Mông Cổ bị tổn thất nghiêm trọng trước sự kháng cự mãnh liệt của vương triều Hồi giáo Delhi. Nguyên nhân quân Mông Cổ phải rút khỏi Châu Âu và Ấn Độ là do kỵ binh không quen tác chiến ở các vùng đầm lầy (Đông Âu), khó thích nghi với khí hậu khô và nóng của Ấn Độ (Jackson, 2003; May, 1996; Chambers, 1979).

Việc chinh phạt Nam Tống đã giúp tăng cường sức mạnh của quân Mông - Nguyên, bổ sung cho những điểm yếu và sự khuyết thiếu của họ, đặc biệt là về hải quân, để phục vụ cho các cuộc tấn công Nhật Bản, Triều Tiên và Đông Nam Á.

3. QUAN HỆ CỦA TRIỀU NGUYÊN VỚI CAO LY

Các mối liên hệ và xung đột giữa Mông Cổ với Cao Ly xuất hiện đầu tiên dưới thời Khả Hãn Oa Khoát Đài (1229-1241). Sau khi vua Cao Ly Cao Tông (1213-1259) giết sứ giả Mông Cổ và khước từ yêu cầu cống nạp của Thành Cát Tư Hãn (1206-1227) vào năm 1225, đến năm 1231 Oa Khoát Đài đã hạ lệnh tấn công xâm lược Cao Ly và gặp phải sự kháng cự quyết liệt của Cao Ly. Trong mấy chục năm sau đó, quân Mông Cổ đã nhiều lần tấn công Cao Ly, buộc triều đình Cao Ly phải dời đô về Ganghwa, khiến nền kinh tế, chính trị Cao Ly lâm vào khủng hoảng. Từ năm 1231 đến 1234, sau nhiều chiến dịch và các cuộc tấn công quyết liệt, quân Mông Cổ chiếm được nhiều lợi thế dựa trên sức mạnh kỵ binh và nhiều vũ khí

công thành lợi hại. Mặc dù Cao Ly đã chấp nhận nhiều điều khoản nghị hòa, để người Mông Cổ cai trị ở nhiều vùng phía Tây Bắc và cống nạp của cải, nô lệ cho người Mông Cổ, nhưng sau khi triều đình Cao Ly di dời tới đảo Ganghwa để xây dựng các tuyến phòng thủ chuẩn bị đối phó với Mông Cổ, quân Mông Cổ đã đáp lại bằng việc tiếp tục phát động các cuộc tấn công. Từ năm 1235 đến 1238, quân Mông Cổ tiếp tục đẩy mạnh xâm lược và tàn phá Cao Ly và buộc Cao Ly phải nghị hòa. Người Mông Cổ đòi Cao Ly phải giao người trong vương tộc làm con tin, cấm thuyền bè triều đình Cao Ly hoạt động. Năm 1253, triều đình Cao Ly đã không còn có thể ẩn trốn và kháng cự ở các quan ải ngoài hải đảo hoặc ở rừng núi mà bị buộc phải dời đô trở lại đất liền, và buộc phải cử người làm con tin. Thời điểm này cho tới năm 1258, quân Mông Cổ tiếp tục bắt bớ, giết hại, vơ vét và tàn phá Cao Ly, thậm chí buộc các tù binh phải đóng thuyền để họ tấn công tiêu diệt các lực lượng người Cao Ly chống Mông Cổ ở các hải đảo (William, 1963).

Trong các cuộc tấn công, quân Mông Cổ đã tàn phá nền kinh tế của Cao Ly, bắt giữ, tàn sát các lực lượng kháng cự, thiêu hủy nhiều công trình kiến trúc, văn hóa của người Cao Ly (Nguyễn Văn Ánh - Đỗ Đình Hằng - Lê Đình Chinh, 2008: 158). Sức kháng chiến của Cao Ly suy giảm; chính trị, kinh tế, xã hội ngày càng lâm vào khủng hoảng.

Từ năm 1259, triều đình Cao Ly tiếp tục đề nghị thiết lập hòa bình với Mông Cổ. Theo đó, người Mông Cổ không đô hộ trực tiếp Cao Ly, nhưng buộc Cao Ly phải thần phục và chấp nhận dưới quyền của Khả Hãn Mông Cổ. Vua Cao Ly buộc phải cưới công chúa Mông Cổ làm hoàng hậu và chấp nhận làm con rể của Khả Hãn (Nguyễn Văn Ánh - Đỗ Đình Hằng - Lê Đình Chinh, 2008: 145-146). Cao Ly trở thành nước phụ thuộc, chịu ảnh hưởng và phục tùng Mông Cổ.

Sau khi triều Nguyên thành lập, Cao Ly phải xưng thần, trở thành chư hầu của nhà Nguyên, chịu sự can thiệp và chi phối nặng nề của nhà Nguyên (Nguyễn Văn Ánh - Đỗ Đình Hằng - Lê Đình Chinh, 1996: 156-159, 169-172). Hốt Tất Liệt sau khi lên ngôi đã cho người hộ tống thái tử của Cao Ly về nước, lập làm vua Cao Ly Nguyên Tông. Theo yêu cầu của Hốt Tất Liệt, từ thời kỳ của Cao Ly Nguyên Tông, các vua Cao Ly phải sử dụng tước hiệu “Trung” để bày tỏ sự “trung thành”. Năm 1269, võ quan Lâm Diễn phé Cao Ly Nguyên Tông, báo với Hốt Tất Liệt là vua Cao Ly vì bệnh nên thoái vị. Chỉ một tháng sau, Hốt Tất Liệt đã phái 3.000 quân sang Cao Ly, tiêu diệt lực lượng của Lâm Diễn, tái lập vua Cao Ly Nguyên Tông. Từ đó, vua Cao Ly chấp nhận xưng thần, cống nạp cho Hốt Tất Liệt, cung cấp lương thực, thực phẩm cho quân Nguyên và cho thương nhân Cao Ly hoạt động ở Trung Hoa và thậm chí biến một phần lãnh thổ Cao Ly (đảo

Jeju) thành đồng cỏ để thả nuôi ngựa cho người Mông Cổ (William, 1963: 158).

Những điều ấy đã cho thấy Cao Ly gần như mất đi quyền tự chủ. Các hoàng tử của Cao Ly phải làm con tin ở Đại Đô cho tới khi kế vị, thậm chí ngay cả khi họ lên ngôi, vẫn bị giữ lại ở triều Nguyên làm con tin. Các vua Cao Ly buộc phải kết hôn với con gái của vua Nguyên. Triều Nguyên thậm chí còn có quyền phế truất vua Cao Ly hay chỉ định người kế vị hoặc lập vua Cao Ly. Một bức thư gửi từ Mông Cổ vào tháng 8 năm 1266, tới Nhật Bản vào tháng 1 năm 1268 đã tuyên bố về cách để quốc Mông Cổ duy trì quan hệ với Cao Ly, nói rõ quan hệ chủ - thần giữa Mông Cổ với Cao Ly giống như quan hệ “cha-con” và Cao Ly là “chư hầu phía đông” của Mông Cổ (Nguyễn Văn Ánh - Đỗ Đình Hằng - Lê Đình Chinh, 1996: 156-159, 169-172).

Mông Cổ buộc Cao Ly phải phụ thuộc trong quan hệ ngoại giao. Cao Ly bị buộc phải làm trung gian trong quan hệ giữa Mông Cổ với Nhật Bản. Từ năm 1266, Hốt Tất Liệt đã thông qua các phái đoàn sứ giả Cao Ly gửi thư đến Mạc phủ Kamakura và sau đó tới triều đình Kyoto đòi Nhật Bản thần phục (Hall; Jansen; Kanai; Twitchett, 2008 131-132; 135-138). Triều Nguyên đã buộc Cao Ly (cùng với tù binh nhà Nguyên bắt được từ Nam Tống) phải tham gia vào hai cuộc tấn công xâm lược Nhật Bản (năm 1274 và 1281) (Hall; Jansen; Kanai; Twitchett, 2008: 138-1140). Hai cuộc chiến tranh này

thất bại càng làm suy giảm thực lực của Cao Ly khiến họ càng phụ thuộc nặng nề vào triều Nguyên.

Cuộc chiến tranh xâm lược Cao Ly từ thời của Khả Hãn Oa Khoát Đài là một phần của cuộc chinh phạt Đông Á của người Mông Cổ. Sau khi Mông Cổ tiêu diệt nước Kim, sự xâm lược Cao Ly càng trở nên khả thi. Ưu thế của kỵ binh, vũ khí và các cuộc tấn công, tàn phá của Mông Cổ đã buộc Cao Ly phải hàng phục. Dựa trên những tiền đề đó, sau khi triều Nguyên hình thành, Cao Ly trở thành một quốc gia bị chi phối, can thiệp và phụ thuộc nặng nề về kinh tế, chính trị, quân sự..., trở thành “chỗ dựa” và “đồng minh” cho sự hùng mạnh và quá trình bành trướng của triều Nguyên ở Đông Á.

4. CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC NHẬT BẢN

Sau những biến cố chính trị, quân sự khiến Cao Ly trở thành nước chư hầu phụ thuộc, Hốt Tất Liệt tiếp tục thực hiện các cuộc chiến tranh hướng về phía đông với mục đích buộc Nhật Bản phải khuất phục. Những hành động ban đầu của đế quốc Mông Cổ với Nhật Bản được thể hiện trong thư gửi thông qua sứ đoàn của Cao Ly. Bức thư của Hốt Tất Liệt đề cập đến việc triều Mông Cổ giúp Cao Ly Nguyên Tông lên ngôi, lập lại hòa bình, và trả lại sự tự trị cho đất Cao Ly, để Cao Ly xưng thần, về quan hệ “cha - con” giữa hai nước và Cao Ly triều cống. Bức thư đề cập tới quan hệ hữu hảo giữa Cao Ly với Nhật

Bản, thông báo việc Hốt Tất Liệt lên ngôi và chiêu dụ Nhật Bản thần phục, nhưng Nhật Bản đã không đáp lễ (Hall; Jansen; Kanai; Twitchett, 2008: 131-132).

Năm 1268, Hốt Tất Liệt tiếp tục gửi thư từ “Hoàng đế Đại Mông” đến “vua Nhật Bản” (Sanson, 1989: 47), thuyết phục Nhật Bản trao đổi buôn bán hòa bình với Trung Hoa và đe dọa nếu không nhất định sẽ có chiến tranh. Chính quyền Kamakura đã đuổi các sứ giả về và từ chối trả lời thư. Các sứ đoàn tới Nhật Bản vào những năm 1271, 1272 thậm chí còn báo với triều Nguyên về thái độ “hỗn xược” của Nhật Bản (Hall; Jansen; Kanai; Twitchett, 2008: 135-138).

Năm 1274, quân Nguyên lần đầu tiên tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Nhật Bản⁽³⁾. Quân đội của người Mông Cổ có 15.000, Trung Hoa có 8.000 quân và 7.000 thủy thủ của Cao Ly, khởi hành từ Cao Ly trên 900 chiến thuyền tiến sang Nhật Bản tấn công các đảo Iki và Tsushima (dẫn lại theo Turnbull, 2003: 41). Ban đầu, với ưu thế binh lực và vũ khí, quân Nguyên đánh bại các lực lượng phòng thủ của Nhật Bản, nhưng do trận bão lớn ở vịnh Hakata đảo Kyushu và sự phản công của người Nhật Bản, quân Nguyên buộc phải lui quân⁽⁴⁾. Sau trận chiến này, các sứ giả của triều Nguyên được cử tới đe dọa, yêu cầu Nhật Bản thần phục đều bị chính quyền Nhật Bản bắt giết.

Mùa xuân năm 1281, lực lượng lớn quân Nguyên chia hai đường tiến

đánh Nhật Bản. Người Nhật từ cuối năm 1280 đã nhận được tin về cuộc xâm lược và ban bố việc tập hợp lực lượng chuẩn bị kháng chiến. Cuộc giao chiến kéo dài hơn 50 ngày, do gặp phải một trận bão lớn, nên các chiến thuyền của quân Nguyên đâm vào nhau hoặc bị đắm, khiến họ thiệt hại nặng nề. Thêm vào đó, những thương vong lớn do quân đội Nhật Bản gây nên đã buộc triều Nguyên một lần nữa phải rút quân (Sanson, 1989: 47-50).

Hai cuộc tấn công xâm lược Nhật Bản trong những năm 1274 và năm 1281 của nhà Nguyên thất bại đã khiến quan hệ giữa Nhật Bản với triều Nguyên và Cao Ly vẫn căng thẳng cho tới tận nửa sau thế kỷ XIV.

5. XÂM LƯỢC ĐÔNG NAM Á

Cùng các cuộc chiến tranh diệt Nam Tống, khuất phục Cao Ly và xâm lược Nhật Bản, triều Nguyên còn nỗ lực bành trướng xuống Đông Nam Á. Ba lần xâm lược Đại Việt và các cuộc tấn công ồ ạt xuống Đông Nam Á cho thấy rõ tham vọng của triều Nguyên đối với khu vực phía nam này. Những cuộc chiến tranh xâm lược Đông Nam Á của triều Mông - Nguyên đã tạo ra nhiều chuyển biến trong lịch sử khu vực và quan hệ ngoại giao giữa các nước.

Các cuộc xâm lược Đại Việt của Mông - Nguyên diễn ra trong khoảng 1258-1288. Vào năm 1254, người Mông Cổ tấn công và chiếm được nước Đại Lý, âm mưu muốn dùng đường của nước Đại Lý (nay là tỉnh

Vân Nam, Quý Châu và một phần Tứ Xuyên) và nước Đại Việt để tấn công Nam Tống từ phía nam. Các sứ đoàn Mông Cổ được cử tới nhà Trần đề lời kéo Đại Việt, mượn đường cho quân đội Mông Cổ đi qua để vòng lên phía bắc đánh Nam Tống. Vua Trần Thái Tông (1225-1258) khước từ yêu cầu và bắt giam sứ giả của người Mông Cổ. Đến năm 1258, Đại Việt vẫn nằm trong sách lược của người Mông Cổ trong việc vây hãm và tấn công Nam Tống từ các phía. Tháng 1 năm 1258, trên cơ sở chiến thắng Đại Lý, Ngột Lương Hợp Thai, người giữ nhiệm vụ tiếp tục đánh các nước chưa hàng phục ở phía nam Trung Hoa, mang theo 3 vạn quân Mông Cổ và 2 vạn quân từ Đại Lý tấn công Đại Việt (Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm, 2003: 61-69). Vua Trần Thái Tông đích thân dẫn quân kháng chiến. Khi quân Mông Cổ chiếm được Thăng Long bị Đại Việt phản công tại trận Đông Bộ Đầu (dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay) làm cho đại bại, buộc phải rút về nước. Sau cuộc chiến tranh này, triều Trần cử sứ giả sang thông hiếu với nhà Tống và lập quan hệ với Mông Cổ, tiến hành cống nạp để duy trì nền độc lập (Ngô Sĩ Liên, 1998: 27-289).

Trước khi cuộc xâm lược lần thứ hai diễn ra, Hốt Tất Liệt đã có ý thử dùng biện pháp ngoại giao và quân sự để biến Đại Việt từ một nước chư hầu trở thành phụ thuộc như Cao Ly. Năm 1281, Hốt Tất Liệt yêu cầu vua Trần Nhân Tông sang châu. Vua Trần Nhân Tông cáo bệnh và cử Trần Di Ái

sang thay. Triều Nguyên sách phong Trần Di Ái làm “An Nam quốc vương”, và cho người thông báo về Đại Việt, đồng thời cử người đưa Trần Di Ái về nước làm vua. Sự việc không thành (Ngô Sĩ Liên, 1998: 46-47). Những ứng xử của triều Nguyên đối với Đại Việt giống như những gì đã diễn ra ở Cao Ly. Tiềm lực mạnh mẽ và sự tự chủ của Đại Việt khiến cho những hành động của triều Nguyên hầu như không thu được kết quả; song, lúc này Nam Tống đã hoàn toàn bị thôn tính nên Đại Việt phải đối mặt trực tiếp với triều Nguyên, để quốc hùng mạnh nhất bấy giờ.

Đầu năm 1285, Hốt Tất Liệt xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Quân Nguyên chia làm 3 đạo quân tiến vào Đại Việt. Qua nhiều trận đánh ở Sơn Động, Vạn Kiếp, Thăng Long... quân Nguyên chiếm ưu thế nhờ lực lượng thiện chiến, chiếm được Thăng Long, đánh bại các cuộc phản kích của triều Trần. Quân Đại Việt rút về phòng thủ ở Thanh Hóa. Người Nguyên trước kẻ sách phòng thủ của quân Đại Việt, hơn nữa thời gian ở Đại Việt lâu, không hợp thủy thổ, thời tiết nên bị nhiều bệnh tật, lại thiếu thốn lương thực nên ngày càng khó khăn. Đến giữa năm 1285, quân triều Trần phản công dồn dập qua các trận Hàm Tử - Tây Kết, Chương Dương Độ, Thăng Long, Thiên Mạc, khiến quân Nguyên thương vong vô số, buộc phải rút lui (Ngô Sĩ Liên, 1998: 52-57).

Sau thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt lần thứ hai, Hốt Tất

Liệt ngay lập tức xây dựng lại kế hoạch cho cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt lần thứ 3 vào cuối năm 1286. Lần thứ ba này, quân Nguyên với số lượng lên đến 30 vạn chia làm 3 ngả với quân bộ, quân thủy tiến đánh Đại Việt. Sau nhiều trận chiến cả ở biên giới hai nước, trên bộ, trên sông và trên biển, đến cuối năm 1288, quân Nguyên đại bại, nhiều tướng lĩnh tử trận, quân nhân bị bắt giữ (Ngô Sĩ Liên, 1998: 58-65). Chiến thắng của Đại Việt đã chấm dứt chiến tranh và các cuộc chinh phạt của triều Nguyên ở Đại Việt, tạo điều kiện cho Đại Việt thiết lập quan hệ ngoại giao một cách tương đối hòa bình để duy trì nền độc lập.

Ngoài ba lần xâm lược Đại Việt, năm 1283 và năm 1287, triều Nguyên cũng đưa quân tiến đánh và tiêu diệt Pagan, mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á lục địa và mở đường đánh xuống vùng hải đảo. Những cuộc xâm lược của triều Nguyên vào các vương quốc của người Thái (1292-1293 và 1301-1302) và vương quốc Singosari (năm 1292-1293) cũng dẫn đến những xáo trộn trong kinh tế, chính trị Đông Nam Á. Sau khi Pagan bị diệt vong, một số quốc gia của người Thái hình thành để đối địch với quân Nguyên, tiêu biểu nhất là quốc gia Sukhothai hùng mạnh ở Đông Nam Á lục địa. Sự bành trướng của triều Nguyên cũng là một tác nhân dẫn tới sự sụp đổ của Singosari và sự ra đời của Majapahit. Dù vậy, trong suốt nửa sau thế kỷ XIII, sự đề phòng và đối đầu của các quốc

gia Đông Nam Á với Mông - Nguyên vẫn là khuynh hướng chủ yếu trong các mối quan hệ ở khu vực trong thời gian này.

6. KẾT LUẬN

Nửa cuối thế kỷ XIII là thời kỳ thế lực của Mông - Nguyên hùng mạnh với diện tích đánh chiếm rộng lớn. Đây cũng đồng thời là lúc lịch sử của đế quốc Mông - Nguyên có những chuyển biến đáng chú ý. Hốt Tất Liệt và người Mông Cổ đã kiến lập một vương triều hùng mạnh ở Trung Hoa, tiếp thu mô hình chính trị và cách thức người Trung Hoa để duy trì và đặt cơ sở thống trị trong gần 100 năm ở Trung Hoa.

Không chỉ tập trung vào các mối quan hệ trao đổi và thương mại liên lục địa Á - Âu, triều Nguyên đã nỗ lực thiết lập những mối giao dịch với Cao Ly, Nhật Bản và Đông Nam Á thông qua những sức ép về quân sự và chính trị, đồng thời lợi dụng những thành tựu của Nam Tống và Cao Ly, Mông - Nguyên đã xây dựng lực lượng hải quân, bổ sung cho quân đội.

Thêm vào đó, Mông - Nguyên cũng xây dựng hệ thống quan hệ của mình với Đông Á dựa trên các thủ đoạn chính trị, kết hợp cả ngoại giao và quân sự nhằm gây sức ép, buộc các nước phải thần phục hoặc chi phối mạnh mẽ các nước này. Ý thức được những khó khăn và thách thức trong việc bành trướng về phương Đông, thay vì trực tiếp cai trị Cao Ly, triều Nguyên đã thông qua quan hệ quân sự, ngoại giao, con tin, hôn nhân và

những sức ép về kinh tế, văn hóa để gián tiếp chi phối và can thiệp Cao Ly. Sự thôn tính Nam Tống và điều khiển Cao Ly đã mang lại cho Mông - Nguyên những tiềm năng và thực lực kinh tế, nhân lực và quân đội lớn. Các cuộc xâm lược của Mông - Nguyên không phải chỉ còn dựa vào người Mông Cổ, mà phần lớn lực lượng quân đội mà nhà Nguyên sử dụng để xâm lược Nhật Bản, Đại Việt và Đông Nam Á là từ Nam Tống, Nữ Chân, Cao Ly, Đại Lý... Đây là nguồn bổ

sung lớn cho quân đội Mông - Nguyên, đặc biệt trong điều kiện các cuộc chiến tranh diễn ra ở sông, biển, vùng đầm lầy và nhiệt đới Đông Nam Á. Tuy vậy, không phải cuộc bành trướng nào của quân Nguyên cũng thành công, đặc biệt là ba lần thất bại trước mưu dũng, trí lược của quân Đại Việt, sự bành trướng của đế quốc Mông - Nguyên ở Đông Á và Đông Nam Á trong khoảng cuối thế kỷ XIII đã bị đẩy lùi. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Từ năm 1127, sau sự biến Tĩnh Khang, nhà Kim của người Nữ Chân kiểm soát vùng phía bắc, triều đình nhà Tống buộc phải rút lui về phòng thủ ở phía nam sông Dương Tử, đặt kinh đô ở Lâm An (Hàng Châu) để xây dựng quân đội nhằm đẩy lùi các cuộc xâm lược của người Nữ Chân và người Mông Cổ (Ebrey; Walthall; Palais, 2006: 176).

⁽²⁾ Từ năm 1205, Thành Cát Tư Hãn bắt đầu tấn công Tây Hạ, từ năm 1210 lại đánh nước Kim. Đến năm 1227, người Mông Cổ tiêu diệt được Tây Hạ, rồi theo ý tưởng của Thành Cát Tư Hãn “Liên Tống phạt Kim”, lập mối liên minh với Nam Tống để đánh nước Kim. Đến năm 1234, liên quân Mông - Tống vây hãm rồi hợp quân công phá, diệt nhà Kim. Lúc này, theo hiệp ước, Nam Tống được lấy lại 3 kinh là Lạc Dương, Khai Phong, Quy Đức, nhưng khi quân Tống đến Khai Phong đã bị người Mông Cổ tháo nước Hoàng Hà dìm chết mấy vạn quân. Mông Cổ quay lại tấn công Nam Tống.

⁽³⁾ Nhiều nhận định cho rằng ngay từ khi bị khước từ cống nạp, triều Nguyên muốn tiến hành xâm lược Nhật Bản, nhưng vì cuộc chiến với quân Nam Tống đang rất quyết liệt nên Nguyên Thế Tổ chỉ có thể tiến hành cuộc chiến tranh vào năm 1274, sau khi đã chiếm được thành Tương Dương, cứ điểm chiến lược để chiến thắng Nam Tống.

⁽⁴⁾ Nhiều quan điểm còn cho rằng một trong những nguyên nhân thất bại của cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ nhất là vì quân Nguyên còn phải dành sự chú ý cho cuộc chiến tranh thôn tính Nam Tống nên không thể tập trung toàn lực tiến đánh Nhật Bản (Turnbull, 2013; Tsunoda - Goodrich, 1951: 74-76).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chambers, James. 1979. *The Devil's Horsemen: The Mongol Invasion of Europe*. Weidenfeld and Nicolson.
2. Curtin, Jeremiah. 1972. *The Mongols - A History*. Greenwood Press.
3. Ebrey, Patricia Buckley; Walthall, Anne; B. Palais, James. 2006. *East Asia: A Cultural, Social, and Political History*. Boston.

4. Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm. 2003. *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
5. Hall, John W. - Jansen, Marius B. - Kanai, Madoka - Twitchett, Denis. 2008. *The Cambridge History of Japan, Volume 3: Medieval Japan*, Cambridge University Press.
6. Jackson, Peter. 2003. *The Delhi Sultanate: A Political and Military History*. Cambridge University Press.
7. May, Timothy. 1996. Chormaqan Noyan: "The First Mongol Military Governor in the Middle East". Master Degree Thesis, Indiana University.
8. Ngô Sĩ Liên. 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
9. Nguyễn Văn Anh - Đỗ Đình Hằng - Lê Đình Chinh. 1996. *Hàn Quốc, lịch sử - văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa.
10. Prawdin, Michael 2006. *The Mongol Empire: Its Rise and Legacy*. Transaction, New Brunswick.
11. Rossabi, Morris. 1988. *Khubilai Khan: His Life and Times*. Berkeley: University of California Press.
12. Sanson, G.B. 1989. *Lược sử văn hóa Nhật Bản - tập II*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
13. Shagdar, Bira. 2000. "The Mongol Empire in the Thirteenth and Fourteenth Centuries: East-West Relations", in: Vadime Elisseeff. *The Silk Roads: Highways of Culture and Commerce*. Berghahn.
14. Tarling, Nicolas. 1992. *The Cambridge History of Southeast Asia. Volume 1*. Cambridge University press.
15. Tsunoda, Ryusaku and Goodrich, L.C. 1951. *Japan in the Chinese Dynastichistories*. South Pasadena.
16. Turnbull, Stephen. 2003. *Genghis Khan and the Mongol Conquests 1190-1400*. Taylor & Francis.
17. Turnbull, Stephen. 2013. *The Mongol Invasions of Japan 1274 and 1281*. Osprey Publishing.
18. Twitchett, Denis and Fairbank, John K. 2008. *The Cambridge History of China, Volume 6: Alien Regimes and Border Stages, 907-1368*. Cambridge University Press.
19. Weatherford, Jack. 2004. *Genghis Khan and the Making of the Modern World*. Three Rivers Press.
20. William, E. Henthorn. 1963. *Korea: The Mongol Invasions*. E.J. Brill Publisher.